

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày 14 – 02 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Ông Danh Văn G, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền bà S1: Ông Lê Trí T2, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G: ông Võ Giang Nam là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

2. Ông Danh Văn V, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Danh Thị Q (, sinh năm 1990 (có mặt).

2. Anh Trần Quốc S2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

3. Anh Danh Văn T1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

4. Chị Danh Thị Mỹ X, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G trình bày:*

Do mối quan hệ anh em (ông G là anh ruột ông V) nên khi vợ chồng bà Nguyễn Hồng L và ông Danh Văn V làm chủ hội, vợ chồng bà Nguyễn Thị S1, ông G tham gia 10 dây hội. Trong quá trình chơi hội bà S1 đóng tiền hội cho bà L và ông V đầy đủ. Từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020, con gái ông bà là chị Danh Thị Quý trực tiếp đóng hội và đóng thừa thời gian và thừa số chung như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 09/4/2018 (âm lịch), loại hội 500.000 đồng, có tổng số 21 chung, có danh sách hội, bà S1 tham gia 03 chung, đến tháng 12/2019 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hốt hết 03 chung hội và đóng hội cho bà L và ông V thừa thời gian và số chung như sau: Đóng thừa thời gian từ tháng 01/2020 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 05 tháng x 1.500.000 đồng = 7.500.000 đồng. Đóng thừa số chung (thực tế tham gia 03 chung nhưng đóng 05 chung), từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng. Tổng cộng đóng thừa thời gian và thừa số chung hội là 16.500.000 đồng.

Trong dây hội nói trên trong danh sách hội có ghi T1 (con của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế T1 không có chơi hội, 02 chung ghi tên T1 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hội ghi tên T1.

Dây thứ hai: Mở ngày 09/4/2018 (âm lịch), loại hội 100.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 03 chung, đến tháng 3/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hốt hết 03 chung. Khi đóng hội thừa thời gian hai tháng 04/2020 (âm lịch) do nhuần hai tháng 4 là 02 tháng x 300.000 đồng = 600.000 đồng và thừa số chung (thực tế tham gia 03 chung nhưng đóng 05 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 200.000 đồng = 1.800.000 đồng. Tổng cộng đóng thừa thời gian và thừa số chung là 2.400.000 đồng.

Trong đây hội nói trên danh sách hội có ghi S2 (con rể bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế S2 có tham gia hay không thì không rõ, 02 chung ghi tên S2 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hội ghi tên S2.

Dây thứ ba: Mở ngày 09/6/2018 (âm lịch), loại hội 500.000 đồng, có tổng số 21 chung, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 02/2020 (âm lịch) mãn hội, bà S1 đã hốt hết 02 chung hội, trong khi bà S1 đóng hội cho bà L và ông V thừa thời gian và số chung như sau: Đóng thừa thời gian từ tháng 03/2020 (âm lịch) đến tháng 4/2020 âm lịch do nhuận hai tháng 4 là 03 tháng x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng và thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 03 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuận hai tháng 4) là 09 tháng x 500.000 đồng = 4.500.000 đồng. Tổng cộng đóng thừa thời gian và thừa số chung là 7.500.000 đồng.

Ngoài ra, đây hội nói trên trong danh sách hội có ghi T1 (con của bà S1 và ông G) tham gia 01 chung, nhưng thực tế T1 không có tham gia chơi, 01 chung ghi tên T1 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 01 chung hội ghi tên T1.

Dây thứ tư: Mở ngày 09/10/2018 (âm lịch), loại hội 100.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 8/2020 (âm lịch) mãn hội, bà S1 đã hốt hết 02 chung hội, bà S1 đóng 02 chung hội được 09 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 04 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuận hai tháng 4) là 09 tháng x 200.000 đồng = 1.800.000 đồng.

Trong đây hội nói trên trong danh sách hội có ghi S2 (con rể bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế S2 có tham gia chơi hay không thì không rõ, 02 chung ghi tên S2 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hội ghi tên S2.

Dây thứ năm: Mở ngày 09/11/2018 (âm lịch), loại hội 200.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 9/2020 (âm lịch) mãn hội, bà S1 đã hốt hết 02 chung hội, bà S1 đóng 02 chung hội được 16 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 04 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuận hai tháng 4) là 09 tháng x 400.000 đồng = 3.600.000 đồng.

Trong đây hội nói trên trong danh sách hội có ghi S2 (con rể bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế S2 có tham gia chơi hay không thì không rõ, 02 chung ghi tên S2 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hội ghi tên S2.

Dây thứ sáu: Mở ngày 09/12/2018 (âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 10/2020 (âm lịch) mãn hội, bà S1 đã hốt hết 02 chung hội, bà S1 đóng 02 chung hội được 15 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 04 chung) từ

tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Trong dây hụi nói trên trong danh sách hụi có ghi T1 (con của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế T1 không có tham gia chơi, 02 chung ghi tên T1 không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hụi ghi tên T1.

Dây thứ bảy: Mở ngày 09/5/2019 (âm lịch), loại hụi 500.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 3/2021 (âm lịch) mãn hụi, nhưng phía bà L và ông V đình hụi từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hụi. Bà S1 hốt hết 02 chung, bà S1 đóng 02 chung hụi được 13 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 04 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Trong dây hụi nói trên trong danh sách hụi có ghi X (con của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế X không có tham gia chơi, 02 chung ghi tên X không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hụi ghi tên X.

Dây thứ tám: Mở ngày 09/6/2019 (âm lịch), loại hụi 200.000 đồng, có tổng số 24 chung, có danh sách hụi, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hụi, nhưng phía bà L và ông V đình hụi từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hụi. Bà S1 hốt hết 02 chung, bà S1 đóng 02 chung hụi được 12 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 04 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 400.000 đồng = 3.600.000 đồng.

Trong dây hụi nói trên trong danh sách hụi có ghi X (con của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế X không có tham gia chơi, 02 chung ghi tên X không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hụi ghi tên X.

Dây thứ chín: Mở ngày 09/8/2019 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, có tổng số 22 chung, có danh sách hụi, bà S1 tham gia 02 chung, đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hụi, nhưng phía bà L và ông V đình hụi từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hụi. Bà S1 hốt hết 02 chung, bà S1 đóng 02 chung hụi được 10 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 02 chung nhưng đóng 03 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Trong dây hụi nói trên trong danh sách hụi có ghi X (con của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế X không có tham gia chơi, 02 chung ghi tên X không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hụi ghi tên X.

Dây thứ mười: Mở ngày 09/8/2019 (âm lịch), loại hụi 200.000 đồng, có tổng số 22 chung, bà S1 tham gia 01 chung, đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hụi, nhưng phía bà L và ông V đình hụi từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hụi. Bà S1 hốt hết 01 chung, bà S1 đóng 01 chung hụi được 10 tháng. Tuy nhiên, bà S1 đóng thừa số chung (thực tế tham gia 01 chung nhưng đóng 03 chung) từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (nhuần hai tháng 4) là 09 tháng x 400.000 đồng = 3.600.000 đồng. trong dây hụi nói trên trong danh sách hụi có ghi X (con

của bà S1 và ông G) tham gia 02 chung, nhưng thực tế X không có tham gia chơi, 02 chung ghi tên X không biết của ai, bà S1 và ông G không có tham gia 02 chung hội ghi tên X.

Theo đơn khởi kiện ông G và bà S1 yêu cầu bà L và ông V có nghĩa vụ trả lại tiền hội đã đóng thừa thời gian và số chung tại các dây hội nói trên tổng cộng với số tiền 57.966.000 đồng. Tại phiên tòa, ông G và người đại diện bà S1 thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà L và ông V trả lại tiền hội đã đóng thừa thời gian và số chung tại các dây hội nói trên tổng cộng với số tiền 57.000.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2020, ngày 26/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Hồng L và ông Danh Văn V trình bày:*

Trước đây, vợ chồng ông bà làm chủ hội, vợ chồng bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội ông bà như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 09/4/2018 (âm lịch), mỗi chung 500.000 đồng, có tổng số 21 chung, bà S1 tham gia 05 chung, danh sách hội ghi 6 G 03 chung và T1 (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 12/2019 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hót hết 05 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 12/2019 (âm lịch) là 05 tháng x 2.500.000 đồng = 10.000.000 đồng. Khi bà S1 hót hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ hai: Mở ngày 09/4/2018 (âm lịch), mỗi chung 100.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 05 chung, danh sách hội ghi 6 G 03 chung và S2 (con rể bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 3/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hót hết 05 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 3/2020 (âm lịch) là 07 tháng x 500.000 đồng = 3.500.000 đồng. Khi bà S1 hót hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ ba: Mở ngày 09/6/2018 (âm lịch), mỗi chung 500.000 đồng, có tổng số 21 chung, bà S1 tham gia 03 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và T1 (con bà S1) 01 chung, dây hội này đến tháng 2/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hót hết 03 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 02/2020 (âm lịch) là 06 tháng x 1.500.000 đồng = 9.000.000 đồng. Khi bà S1 hót hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ tư: Mở ngày 09/10/2018 (âm lịch), mỗi chung 100.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 04 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và S2 (con rể bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 8/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hót hết 04 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 8/2020 (âm lịch) là 13 tháng x 400.000 đồng = 5.200.000 đồng. Khi bà S1 hót hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ năm: Mở ngày 09/11/2018 (âm lịch), mỗi chung 200.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 04 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và S2 (con rể bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 9/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hót hết 04 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 9/2020 (âm lịch) là 14 tháng x 800.000 đồng = 11.200.000 đồng. Khi bà S1 hót hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ sáu: Mở ngày 09/12/2018 (âm lịch), mỗi chung 1.000.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 04 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và T1 (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 10/2020 (âm lịch) mãn hội. Bà S1 đã hốt hết 04 chung hội tham gia. Bà S1 còn nợ hội chết chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 10/2020 (âm lịch) là 15 tháng x 4.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Khi bà S1 hốt hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ bảy: Mở ngày 09/5/2019 (âm lịch), mỗi chung 500.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 04 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và X (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 3/2021 (âm lịch) mãn hội, nhưng phía bà L và ông V đình hội từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hội. Bà S1 đã hốt 02 chung, còn chị Quý (con bà S1) hốt 02 chung. Bà S1 còn nợ hội chết 02 chung chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 3/2021 (âm lịch) là 20 tháng x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. Khi bà S1 hốt hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ tám: Mở ngày 09/6/2019 (âm lịch), mỗi chung 200.000 đồng, có tổng số 24 chung, bà S1 tham gia 04 chung, danh sách hội ghi 6 G 02 chung và X (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hội, nhưng phía bà L và ông V đình hội từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hội. Bà S1 đã hốt 02 chung, còn chị Quý (con bà S1) hốt 02 chung. Bà S1 còn nợ hội chết 02 chung chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 4/2021 (âm lịch) là 21 tháng x 400.000 đồng = 8.400.000 đồng. Khi bà S1 hốt hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ chín: Mở ngày 09/8/2019 (âm lịch), mỗi chung 1.000.000 đồng, có tổng số 22 chung, bà S1 tham gia 03 chung, danh sách hội ghi 6 G 01 chung và X (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hội, nhưng phía bà L và ông V đình hội từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hội. Bà S1 đã hốt 01 chung, còn chị Q (con bà S1) hốt 01 chung, còn lại 01 chung sống. Bà S1 còn nợ hội chết 01 chung chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 4/2021 (âm lịch) là 21 tháng x 1.000.000 đồng = 21.000.000 đồng. Khi bà S1 hốt hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Dây thứ mười: Mở ngày 09/8/2019 (âm lịch), mỗi chung 200.000 đồng, có tổng số 22 chung, bà S1 tham gia 03 chung, danh sách hội ghi 6 G 01 chung và X (con bà S1) 02 chung, dây hội này đến tháng 4/2021 (âm lịch) mãn hội, nhưng phía bà L và ông V đình hội từ tháng 4/2020 (âm lịch) đến nay không gom hội. Bà S1 đã hốt 01 chung, còn chị Quý (con bà S1) hốt 02 chung. Bà S1 còn nợ hội chết 01 chung chưa đóng từ tháng 9/2019 (âm lịch) đến tháng 4/2021 (âm lịch) là 21 tháng x 200.000 đồng = 4.200.000 đồng. Khi bà S1 hốt hội và đóng hội hai bên không có làm giấy tờ.

Ông bà không chấp nhận trả số tiền hội theo yêu cầu khởi kiện của bà S1 và ông G, do ông bà không có gom tiền hội của bà S1 và ông G thừa thời gian và thừa số chung tại các dây hội nói trên, ngược lại bà S1 và ông G còn nợ ông bà tiền hội chết chưa đóng đủ.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, chị Danh Thị Q (trình bày:

Chị cho rằng mẹ của chị là bà S1 có tham gia chơi hụi tại 10 dây hụi do bà L và ông V làm chủ như bà S1 và ông G trình bày, nhưng chị không biết từng dây hụi bà S1 tham gia mấy chung, bà S1 đã hốt hết các chung hụi đã tham gia nhưng chị không biết hốt được bao nhiêu tiền và hốt hụi vào thời gian nào do chị không trực tiếp chứng kiến. Sau đó, bà S1 có nhờ chị đóng hụi chết các chung hụi đã hốt tại 10 dây hụi đã tham gia từ tháng 09/2019 (âm lịch) đến tháng 04/2020 (âm lịch), nhưng chị không nhớ số tiền đóng hụi bao nhiêu, khi chị đóng hụi bà L có ghi giấy theo dõi đóng hụi hàng tháng đưa chị hiện giấy đóng hụi đã cung cấp tại hồ sơ, nhưng chị không xác định được ở tại giấy đóng hụi nào do ghi nhập chung các chung hụi lại T1. Chị không biết bà S1 có đóng hụi cho bà L thừa thời gian và thừa số chung hay không, do bà S1 đưa tiền kêu đóng hụi thì chị đóng hụi cho bà L. Ngoài ra, chị không biết bà S1 chơi hụi trong danh sách hụi ghi tên ai, chị cũng không biết gia đình chị có ai tham gia chơi hụi trong 10 dây hụi này không. Tại các chung hụi nói trên chị không biết bà S1 đã đóng hụi chết cho bà L xong chưa và chị cũng không biết hai bên còn thiếu tiền hụi gì với nhau hay không.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, anh Trần Quốc S2 trình bày:

Anh xác định anh là con rể của bà S1 và ông G, anh không nắm rõ bà S1 và ông G có tham gia chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi hay không. Từ trước đến nay anh cũng không có lần nào chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi. Đối với bà L và ông V cho rằng dây hụi mở ngày 09/4/2018 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên anh là S2 02 chung, dây hụi mở ngày 09/10/2018 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên anh là S2 02 chung, dây hụi mở ngày 09/11/2018 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên anh là S2 02 chung, anh xác định các dây hụi này anh không có tham gia chơi hụi với bà L và ông V, anh không biết các chung hụi này là của ai tham gia.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, anh Danh Văn T1 trình bày:

Anh xác định anh là con của bà S1 và ông G, anh không nắm rõ bà S1 và ông G có tham gia chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi hay không. Từ trước đến nay anh cũng không có lần nào chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi. Đối với bà L và ông V cho rằng dây hụi mở ngày 09/4/2018 (âm lịch) có 21 chung và ghi tên anh là T1 02 chung, dây hụi mở ngày 09/6/2018 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên anh là T1 01 chung, dây hụi mở ngày 09/12/2018 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên anh là T1 02 chung, anh xác định các dây hụi này anh không có tham gia chơi hụi với bà L và ông V, anh không biết các chung hụi này là của ai tham gia.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, chị Danh Thị Mỹ X trình bày:

Chị xác định chị là con của bà S1 và ông G, chị không nắm rõ bà S1 và ông G có tham gia chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi hay không. Từ trước đến nay chị cũng không có lần nào chơi hụi do bà L và ông V làm chủ hụi. Đối với bà L và ông V cho rằng dây hụi mở ngày 09/5/2019 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên chị là X 02 chung, dây hụi mở ngày 09/6/2019 (âm lịch) có 24 chung và ghi tên chị là X 02 chung, dây hụi mở ngày 09/8/2019 (âm lịch) có 22 chung và ghi tên chị là X 02 chung, dây hụi mở ngày 09/8/2019 (âm lịch) có 22 chung và ghi tên chị là X 02

chung, chỉ xác định các dây hụi này chỉ không có tham gia chơi hụi với bà L và ông V, chỉ không biết các chung hụi này là của ai tham gia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:53/2021/DS-ST ngày 21tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G yêu cầu bà Nguyễn Hồng L và ông Danh Văn V trả tiền hụi đã đóng thừa thời gian và thừa số chung tổng cộng với số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G phải chịu 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm chục ngàn đồng). Ngày 10/11/2020, bà S1 và ông G nộp tạm ứng án phí số tiền 1.449.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006031 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu, bà S1 và ông G còn phải nộp tiếp án phí với số tiền 1.401.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/7/2021, bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Phần tranh luận tại phiên toà: Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn thay đổi đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xử án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G bà S1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G tranh luận: Việc bà S1 ông G không có chơi hụi dùm cho các con bà S1 có nhiều người làm chứng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông G, bà S1 buộc bà L ông V trả lại số tiền thừa là 57.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn V, bà Nguyễn Hồng L có giao dịch chơi hụi với nhau. Trong thời gian tham gia chơi hụi bà S1 xác định đóng dư tiền hụi nên yêu cầu bà L ông V trả lại 57.000.000 đồng. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà S1 ông G kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bà S1 ông G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Giao dịch hụi giữa ông G, bà S1 và ông V, bà L là thực tế có diễn ra được các bên đều thừa nhận. Các đương sự không thống nhất nhau về số chung hụi đã tham gia và thời gian đóng hụi. Trong tổng số 10 dây hụi bà S1 ông G tham gia, ngoài ghi tên 6 G còn có ghi tên những người con, rể của ông G bà S1 như S2, X,

T1. Bà S1 ông G xác định không có chơi dùm các con và các con của bà cũng không có chơi hụi của bà L. Bà L xác định số chung hụi bà S1 tham gia đúng với số tiền bà đã gom hụi còn việc ghi tên các con và rẻ của bà S1 trong danh sách hụi là do bà S1 yêu cầu ghi như thế.

[3] Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Danh sách hụi của 10 dây hụi, có thể hiện tên của các con bà S1 như X, T1, S2.

[3.1] Thấy rằng: khi tham gia chơi hụi bà L có giao cho bà S1 danh sách hụi viên của từng dây hụi, trong danh sách này có ghi tên của các con và rẻ bà S1. Như vậy khi có danh sách hụi là bà S1 biết có tên của các con và rẻ bà S1 trong danh sách hụi, trường hợp bà S1 cho rằng bà L ghi thêm tên các con bà vào thì bà phải có ý kiến nhưng ngược lại bà S1 tiếp tục đóng các chung hụi của tên các con bà.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của bà S1 cũng không xác định được khi hốt hụi bà S1 được bà L chung hụi có cả nhưng chung hụi do các con bà đứng tên hay không. Nhưng chị Quý thừa nhận ngoài các chung hụi do ông G đứng tên đã được hốt hết thì chị Quý còn hốt hụi ở các dây hụi 7,8,9 mặt dù các dây hụi này số chung hụi đứng tên ông G thì đã được bà S1 hốt hết và khi chung hụi có trừ lại các chung hụi chưa đóng trong đó có các chung hụi ghi tên con của bà S1. Nhưng vậy bà S1 cho rằng tên của các con bà trong danh sách hụi nhưng thực tế không tham gia là không phù hợp bởi số chung hụi của các dây hụi thì bà S1 và bà L xác định giống nhau nên không có việc ghi thêm tên vào danh sách hụi. Hơn nữa, có việc gia đình bà S1 hốt hụi các chung hụi ghi tên con của bà S1, việc đóng lại hụi chết hàng tháng là do bà Sánh tự nguyện đóng và đóng trong thời gian dài.

[3.3] Do đó, Án sơ thẩm xác định mặt dù hụi ghi tên các con bà S1 nhưng bà S1 ông G là người tham gia chơi hụi và khi hốt hụi có đóng lại cho bà L nên không có việc đóng hụi thừa số chung tham gia như bà S1 yêu cầu là phù hợp.

[4] Đối với thời gian đóng hụi thừa thấy rằng: tại hồ sơ có 06 giấy ghi rất nhiều con số, chị Quý xác định do bà L đưa cho chị để chị đóng hụi hàng tháng và đã đóng thừa thời gian do hụi đã mãn. Phía bà L xác định các chung hụi bà S1 tham gia đều còn thiếu tiền hụi nên không có việc gom thừa thời gian. Xét thấy: Đối với các giấy ghi các chữ số do bà S1 cung cấp cho tòa án có thể hiện tháng nhưng không có ngày, không có năm và cũng không xác định được số tiền đã đóng hụi cho bà L ở những chung hụi nào, bao nhiêu tiền và đóng đến thời gian nào đều không thể hiện và chị Quý là người trực tiếp đóng hụi nhưng chị Quý cũng không giải thích được. Do đó không có căn cứ xác định bà S1 ông G đã đóng hụi thừa thời gian. Do đó án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G bà S1 là phù hợp.

[5] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông G bà S1 cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông G bà S1.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí. Đối với yêu cầu của ông G về việc xin miễn án phí do ông là người cao tuổi và là

người dân tộc. Xét thấy theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông G là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên án sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông G có nộp đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm cho ông G. Án phí sơ thẩm 2.850.000 đồng, ông G được miễn là 1.425.000 đồng. Án phí phúc thẩm, do ông G bà S1 cùng kháng cáo nên mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng, ông G được miễn, bà S1 phải chịu theo quy định, do đó sửa án sơ thẩm phần án phí là phù hợp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S1 ông Danh Văn G.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số:53/2021/DS-ST ngày 21tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S1 và ông Danh Văn G yêu cầu bà Nguyễn Hồng L và ông Danh Văn V trả tiền hụi đã đóng thừa thời gian và thừa số chung tổng cộng với số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị S1 phải chịu số tiền 1.425.000 đồng. Ngày 10/11/2020, bà S1 và ông G có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.449.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006031 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí, số tiền còn thừa được nhận lại

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị S1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 05/7/2021, ông G bà S1 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0006395) được chuyển thu án phí.

Ông Danh Văn G được miễn toàn bộ án phí sơ và phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào